

VAI TRÒ CỦA SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐẤT LÂM NGHIỆP ĐỐI VỚI SINH KẾ CỦA NGƯỜI DÂN Ở TÂY NGUYÊN

**Phan Quốc Chính¹, Trần Quang Bảo², Lã Nguyên Khang³,
Lê Ngọc Hoàn³, Trương Văn Thành⁴**

¹*Trung tâm Ứng dụng Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng*

²*Tổng cục Lâm nghiệp*

³*Trường Đại học Lâm nghiệp*

⁴*Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang*

TÓM TẮT

Bài báo đánh giá vai trò của sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp đối với sinh kế của người dân ở Tây Nguyên. Số liệu được thu thập trên 350 hộ gia đình tại 06 huyện thuộc 05 tỉnh vùng Tây Nguyên. Hộ gia đình sử dụng đất lâm nghiệp để sản xuất nông nghiệp có thành phần dân tộc đa dạng, bao gồm cả dân tộc tại chỗ và dân di cư. Tùy vào từng địa phương mà người dân di cư chiếm tỷ lệ từ 8,3% (ở Đắk Glei, Kon Tum) đến 84,0% (ở Krông Bông, Đắk Lắk). Nhìn chung, hoạt động sinh kế của các hộ gia đình này còn đơn giản, chủ yếu là sản xuất nông nghiệp như: làm nương rẫy trồng cây hàng năm (chiếm 91,4% số hộ), trồng cây công nghiệp (chiếm 60,6% số hộ), chăn nuôi (chiếm 45,7% số hộ), làm thuê (chiếm 43,1% số hộ); hoạt động phi nông nghiệp còn rất ít, chỉ có 4,6% số hộ có hoạt động thương mại dịch vụ và 6,6% số hộ có hoạt động sản xuất khác. Hộ sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp chỉ sở hữu trung bình 8.193 m²/hộ, trong khi đó những hộ khác trong khu vực hiện đang sở hữu trung bình 13.672 m² đất sản xuất; Thu nhập của các hộ này chỉ đạt từ 50,60% - 62,23% so với thu nhập bình quân trong khu vực, trong đó nguồn thu từ sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp chiếm tỷ lệ đáng kể trong tổng nguồn thu của hộ gia đình, dao động từ 22,9% đến 31,0%.

Từ khóa: Đất lâm nghiệp, hộ gia đình, sản xuất nông nghiệp, sinh kế, Tây Nguyên.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tây nguyên có diện tích rừng lớn với 2.559.956 ha, chiếm 17,5% diện tích rừng cả nước. Tài nguyên rừng và đất rừng ở đây không những là nguồn lực để phát triển kinh tế mà còn có vai trò quan trọng trong bảo vệ môi trường sinh thái, ổn định xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng (Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2020).

Trong những năm qua cùng với phát triển kinh tế - xã hội, kéo theo dân số tăng nhanh, đặc biệt dân di cư tự do. Giai đoạn 2005 đến 2017, Tây Nguyên có tới 58.846 hộ dân di cư tự do, với khoảng 220.000 nhân khẩu, cao gấp nhiều lần so với các vùng khác trong cả nước (Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2020). Dân số tăng nhanh dẫn đến nhu cầu đất cho sản xuất, xây dựng ngày càng cao, phá rừng khai thác gỗ, lấy đất sản xuất nông nghiệp, chuyển mục đích, sử dụng đất không theo quy hoạch đã và đang làm cho rừng và đất rừng ở Tây nguyên trở nên suy thoái một cách nghiêm trọng. Bên cạnh đó, hàng chục vạn người dân sinh sống, sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp không được thừa nhận về mặt pháp lý, không được hưởng các chính sách do không được đăng ký hộ khẩu, đất ở, đất sản xuất, đời sống khó khăn, ảnh hưởng không nhỏ đến an ninh, trật tự ở Tây Nguyên (Ban Kinh tế Trung ương, 2020).

Tính đến cuối năm 2019, tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp là 338.586ha, chiếm 13,57% tổng diện tích quy

hoạch lâm nghiệp toàn vùng Tây Nguyên (Ban Kinh tế Trung ương, 2020). Người dân sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp, đặc biệt là dân di cư tự do chủ yếu là các hộ nghèo rất dễ bị tổn thương do khả năng tiếp cận xã hội hạn chế, hoạt động sản xuất, canh tác lạc hậu, tài sản vật chất và tài chính rất hạn hẹp. Vấn đề quan trọng hơn là đa số người dân di cư tự do trong các vùng sâu, vùng xa không chỉ thiếu đất sản xuất, một số nơi còn thiếu nước cho sản xuất và sinh hoạt nên cuộc sống rất khó khăn. Ngoài những thách thức về đời sống, vấn đề bệnh tật nảy sinh cũng khá phức tạp, có nguy cơ lan truyền nếu không được kiểm soát tốt (Đàm Thị Hẹ, 2017). Như vậy, do không đủ các điều kiện về pháp lý và lại là dân canh tác nông nghiệp bất hợp pháp trên đất lâm nghiệp nên việc quản lý hành chính đối với họ cũng rất khó khăn. Đây là thách thức không nhỏ đối với vấn đề quản lý xã hội của các tỉnh vùng Tây Nguyên.

Trong những năm vừa qua Đảng, Nhà nước và chính quyền các tỉnh Tây Nguyên đã có nhiều chủ trương, chính sách và giải pháp để ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp. Tuy nhiên, do sự chòng chẹo về chính sách, sự hạn chế trong quản lý, quy hoạch... cũng như sự phức tạp trong quản lý dân cư nên đời sống và sản xuất của các hộ này vẫn còn gặp nhiều khó khăn, tiềm ẩn nhiều nguy cơ bất ổn về kinh tế - xã hội - môi trường đối với

địa phương. Vì vậy, việc nghiên cứu thực trạng, vai trò của sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp đối với sinh kế hộ gia đình làm cơ sở đề xuất giải pháp ổn định đời sống cho người dân là vấn đề hết sức cần thiết và cấp bách.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp

- Các văn bản chính sách, các quy định liên quan quản lý đất đai, rừng và sản xuất nông lâm nghiệp.

- Các tài liệu, số liệu có liên đến lý luận, thực tiễn về phát triển sinh kế của hộ gia đình sản xuất nông lâm nghiệp ở Tây Nguyên.

- Những công trình nghiên cứu, báo cáo của các cơ quan quản lý các cấp về các mô hình, hoạt động sinh kế, vai trò của sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp đối với sinh kế của hộ gia đình ở vùng Tây Nguyên.

2.2. Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp

a) Phương pháp phỏng vấn và thảo luận nhóm

- *Phương pháp phỏng vấn*: đã phỏng vấn 350 hộ gia đình sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp thuộc 6 huyện ở Tây Nguyên: Đắk Glei (tỉnh Kon Tum), Kông Chro (tỉnh Gia Lai), Krông Bông và Ea Súp (tỉnh Đắk Lắk), Đắk Glong (tỉnh Đắk Nông) và Di Linh (tỉnh Lâm Đồng). Việc thu thập thông tin từ các hộ gia đình được thực hiện bằng phiếu phỏng vấn. Các thông tin được thu thập, gồm: đặc điểm hộ gia đình; tình hình đời sống, sản xuất; thực trạng các nguồn lực sinh kế và vai trò của sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp đối với sinh kế của hộ; những thuận lợi và khó khăn trong sản xuất và đời sống của hộ; giải pháp phát triển sinh kế và ổn định đời sống của hộ gia đình sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp.

- *Phương pháp thảo luận nhóm*: đã thực hiện 6 cuộc thảo luận nhóm ở 6 huyện nghiên cứu. Thảo luận nhóm nhằm làm rõ những vấn đề liên quan đến đặc điểm sinh kế, vai trò của sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp đối với sinh kế của người dân, giải pháp phát triển sinh kế và ổn định đời sống của hộ gia đình sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp. Kỹ thuật áp dụng cho phương pháp này chủ yếu dựa trên kỹ năng thúc đẩy của chuyên gia trên cơ sở áp dụng bộ công cụ PRA, nhất là sử dụng phương pháp phân tích SWOT (Strengths - Điểm mạnh, Weaknesses - Điểm yếu, Opportunities - Cơ hội, và Threats - Nguy cơ).

b) Phương pháp khảo sát lát cắt

Sử dụng phương pháp lát cắt để vẽ sơ đồ mặt cắt ngang qua khu vực nghiên cứu thể hiện kiểu

sử dụng đất khác nhau, đặc biệt lưu ý đến các mô hình sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp. Phương pháp này sẽ kết hợp giữa kết quả phỏng vấn với khảo sát trực tiếp tại hiện trường. Việc khảo sát tại hiện trường nhằm thu thập thông tin về các hoạt động sinh kế, tình hình sản xuất nông nghiệp và đời sống người dân trên đất lâm nghiệp. Khảo sát còn để kiểm chứng số liệu, thông tin đã được thu thập trong quá trình phỏng vấn và thảo luận nhóm. Số liệu tại các điểm khảo sát hiện trường, kết hợp với các nguồn dữ liệu thứ cấp, phỏng vấn sâu... là nguồn đầu vào quan trọng để đánh giá thực trạng hoạt động sinh kế và vai trò của xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp đối với sinh kế của hộ gia đình ở Tây Nguyên.

c) Phương pháp chuyên gia

Phương pháp này nhằm tham vấn những người có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực nghiên cứu để lựa chọn địa điểm, thiết kế mẫu phiếu điều tra, đánh giá các hoạt động sinh kế và vai trò của xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp đối với sinh kế của hộ gia đình ở Tây Nguyên.

2.3. Phương pháp phân tích, xử lý thông tin

a) Phương pháp phân tích định tính

Các dữ liệu định tính được thu thập chủ yếu bằng công cụ phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm, ý kiến chuyên gia... sẽ được phân loại, mã hóa theo các biên số định tính, tổng hợp và phân tích nhằm làm rõ thực trạng, những vấn đề tồn liên quan đến sinh kế của người dân sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp ở Tây Nguyên.

b) Phương pháp thống kê mô tả

Dựa trên các số liệu thống kê và số liệu thu thập được để mô tả các hoạt động sinh kế của các hộ gia đình sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp ở khu vực nghiên cứu.

c) Phương pháp phân tích định lượng

Các dữ liệu định lượng được thu thập bằng công cụ bảng hỏi, mẫu biểu số liệu được xử lý theo quy trình chung của nghiên cứu định lượng với sự hỗ trợ của phần mềm Excel.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng sinh kế của hộ gia đình sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp

3.1.1. Đặc điểm của hộ gia đình sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp

Đặc điểm của 350 hộ gia đình điều tra sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp tại 6 huyện thuộc 5 tỉnh vùng Tây Nguyên được thể hiện ở bảng 1.

Bảng 1. Thành phần dân tộc của các hộ điều tra sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp

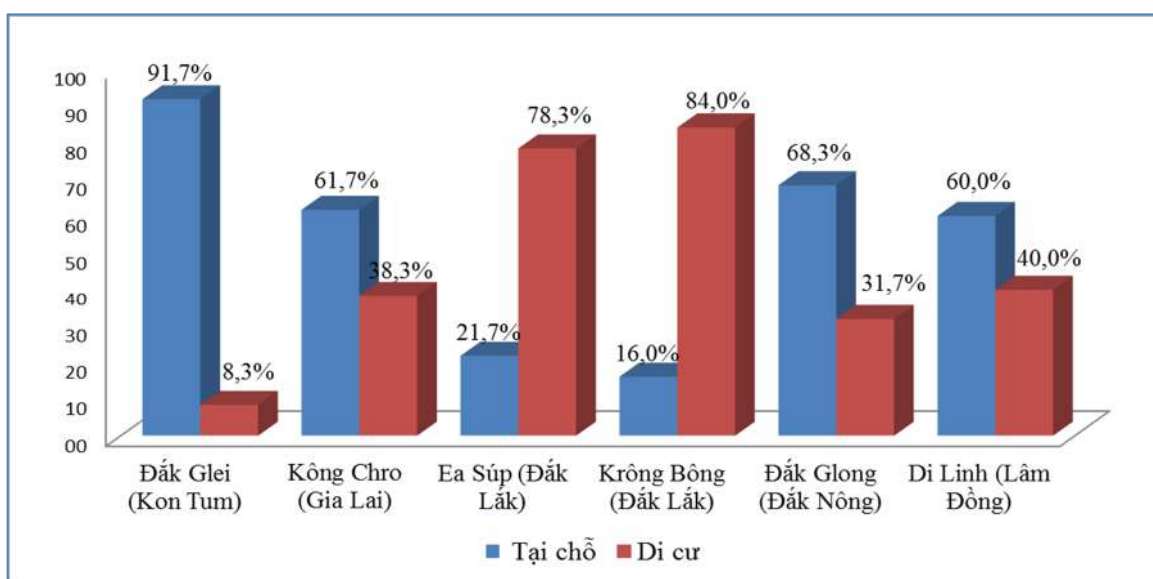
Huyện	Dân tộc	Giẻ Triêng	Ba Na	Mạ	K'Ho	H' Mông	Kinh	Thái	Nùng	Tày	Khác	Tổng
Đắk Glei (Kon Tum)	Số hộ	50									10	60
	Tỷ lệ %	83,3									16,7	100
Kông Chro (Gia Lai)	Số hộ		37				12				11	60
	Tỷ lệ %		61,7				20,0				18,3	100
Ea Súp (Đắk Lắk)	Số hộ				10	21	25				4	60
	Tỷ lệ %				16,7	35,0	41,7				6,7	100
Krông Bông (Đắk Lắk)	Số hộ				16	8			13	11	2	50
	Tỷ lệ %				32,0	16,0			26,0	22,0	4,0	100
Đắk Glong (Đắk Nông)	Số hộ			41		18					1	60
	Tỷ lệ %			68,3		30,0					1,7	100
Di Linh (Lâm Đồng)	Số hộ				36		17				7	60
	Tỷ lệ %				60,0		28,3				11,7	100
Tổng số hộ		50	37	41	36	44	58	25	13	11	35	350
Tỷ lệ %		14,3	10,6	11,7	10,3	12,6	16,6	7,1	3,7	3,1	10,0	100

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra năm 2020

Sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp chủ yếu được thực hiện bởi người dân tộc thiểu số, chiếm 83,4% (bao gồm cả dân tộc tại chỗ và dân tộc di cư), người kinh chiếm 16,6% tổng số hộ điều tra. Với đặc thù phần đông người dân tộc thiểu số thực hiện lần chiếm đất rừng để sản xuất nông nghiệp đã nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp trong bảo vệ và phát triển rừng, phát triển kinh tế xã hội. Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp PTNT (2018) cho thấy, trên địa bàn Tây Nguyên hiện còn 11.642 hộ dân di cư tự do đang sinh sống phân tán, chưa được bố trí, sắp xếp ổn định vào các vùng dự án. Trong đó, nhiều hộ sống trong và gần rừng; tình trạng đốt nương làm rẫy, chặt phá rừng lấy đất sản xuất thường xuyên xảy ra. Đời sống của các hộ dân gặp

nhều khó khăn, phần lớn chưa có hộ khẩu cho nên chưa được hưởng các chính sách an sinh xã hội; thiếu đất ở, đất sản xuất; tỷ lệ đói nghèo cao, tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp về an ninh, trật tự...

Tùy từng địa phương, người dân di cư chiếm tỷ lệ từ 8,3% (ở Đắk Glei, Kon Tum) đến 84,0% (ở Krông Bông, Đắk Lắk) (hình 1), tại nơi xuất cư các hộ này hầu hết là những hộ nghèo, làm nông lâm nghiệp, có nhiều khó khăn trong sản xuất và đời sống. Với hy vọng di cư tìm cơ hội phát triển kinh tế ở những vùng đất mới, họ thường không bị ràng buộc nhiều về tài sản vật chất nên đến nơi ở mới họ cũng ở trong tình trạng thiếu thốn về tất cả các nguồn lực sinh kế.



Hình 1. Tỷ lệ hộ đồng bào tại chỗ và đồng bào di cư tham gia sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp tại khu vực nghiên cứu

Kết quả điều tra 350 hộ tại khu vực nghiên cứu cho thấy có đến 78,29% số hộ gia đình sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp là vì nguyên nhân kinh tế, trong đó 46,29% số hộ với lý do chính là khó khăn về kinh tế; 32,00% số hộ là do thiếu đất sản xuất; một tỷ lệ nhỏ các hộ lấn chiếm đất lâm nghiệp là do người khác rử rề, để bán lấy tiền.

Nguồn lực thiếu thốn đầu tiên là quỹ đất để ở và phát triển sản xuất. Với các địa phương có tỷ lệ người di cư lớn như Krông Bông, Ea Súp (tỉnh Đắk Lắk), do là những người đến sau nên những hộ này phải đến các khu vực vùng sâu, vùng xa tìm kiếm đất đai để ở, để sản xuất nhằm đảm bảo cuộc sống. Nguồn đất đai này có được chủ yếu do họ phá rừng, đốt nương làm rẫy, thậm chí xâm lấn các khu đất đã được quy hoạch, xâm hại rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, đất và rừng đã giao cho các nông lâm trường,

người dân địa phương... Hậu quả của việc tìm kiếm đất ở, đất sản xuất của họ ở nơi mới đã gây ra nhiều bất ổn, xung đột, không chỉ ảnh hưởng đến sự an toàn cho cuộc sống, làm suy thoái môi trường, mà còn ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội cho các địa phương. Như vậy, từ những phân tích nêu trên cho thấy cần có những giải pháp và chính sách để giải quyết các vấn đề về đất đai nhằm ổn định sản xuất, nâng cao đời sống của các hộ gia đình sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng và quản lý đất rừng một cách bền vững.

3.1.2. Đặc điểm chung về các hoạt động sinh kế của hộ gia đình sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp

Kết quả tổng hợp các hoạt động sinh kế của hộ gia đình sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp từ 350 hộ được thể hiện ở bảng 2.

Bảng 2. Hoạt động sinh kế của hộ sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp tại khu vực nghiên cứu

Chỉ tiêu	Đắk Glei		Krông Chro		Ea Súp		Krông Bông		Đắk Glong		Di Linh		Tổng số hộ	Tỷ lệ %
	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %		
1. Số hộ điều tra	60	100,0	60	100,0	60	100,0	50	100,0	60	100,0	60	100,0	350	100,0
2. Hộ có hoạt động làm lúa nước	6	10,0	8	13,3	11	18,3	5	10,0	7	11,7	0	0,0	37	10,6
3. Hộ có làm nương rẫy trồng cây hàng năm	57	95,0	56	93,3	55	91,7	47	94,0	58	96,7	47	78,3	320	91,4
4. Hộ có trồng cây công nghiệp	23	38,3	19	31,7	39	65,0	37	74,0	43	71,7	51	85,0	212	60,6
5. Hộ có hoạt động chăn nuôi	25	41,7	17	28,3	23	38,3	28	56,0	31	51,7	36	60,0	160	45,7
6. Hộ có sản xuất lâm nghiệp	8	13,3	7	11,7	9	15,0	9	18,0	12	20,0	7	11,7	52	14,9
7. Hộ có hoạt động thương mại dịch vụ	2	3,3	3	5,0	2	3,3	4	8,0	2	3,3	4	6,7	17	4,9
8. Hộ có làm thuê, làm mướn	15	25,0	24	40,0	22	36,7	24	48,0	32	53,3	34	56,7	151	43,1
9. Hộ có hoạt động sản xuất khác	4	6,7	3	5,0	6	10,0	3	6,0	2	3,3	5	8,3	23	6,6

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra, 2020

Kết quả bảng 2 cho thấy, hoạt động sinh kế của các hộ sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp còn đơn điệu, chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, các hoạt động phi nông nghiệp còn rất ít. Kết quả đánh giá về các hoạt động sinh kế của các hộ gia đình sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp ở khu vực nghiên cứu, như sau:

- *Hoạt động canh tác lúa nước*: có sự khác biệt lớn giữa các nhóm hộ và địa phương, chỉ có 10,6% số hộ trồng lúa nước, trong khi đó số hộ

binh quân có diện tích lúa nước ở các huyện nghiên cứu dao động từ 48,3 đến 57,9%. Lý do là vùng định cư của hộ gia đình này chủ yếu là ở khu vực đồi núi, ven rừng, diện tích có khả năng làm lúa nước ít và đã được các hộ người đồng bào tại chỗ khai thác sử dụng. Canh tác lúa nước chủ yếu theo phương pháp truyền thống, ruộng thường có diện tích nhỏ, tưới tiêu tự chảy.

- *Hoạt động canh tác nương rẫy trồng cây hàng năm*: có đến 91,4% số hộ canh tác nương

rẫy trồng cây hàng năm. Canh tác nương rẫy được các hộ đặc biệt quan tâm bởi đây là hoạt động nông nghiệp truyền thống và là thế mạnh của đồng bào dân tộc thiểu số. Hoạt động đầu tiên mà các hộ xâm lấn đất rừng để sản xuất nông nghiệp là làm nương rẫy. Canh tác nương rẫy được hộ ưu tiên hàng đầu bởi các lý do: dễ tìm kiếm nguồn đất làm rẫy, phù hợp với tập quán canh tác của người dân tộc thiểu số và có thể cho thu nhập ngay sau mỗi vụ. Thu nhập từ nương rẫy cây hàng năm là nguồn thu nhập chính của hộ trong giai đoạn đầu khi mới tiến hành lấn chiếm đất rừng.

- *Hoạt động trồng cây công nghiệp*: có 60,6% số hộ có canh tác cây công nghiệp trên đất lâm nghiệp ở các quy mô diện tích khác nhau (tỷ lệ số hộ trồng cây công nghiệp trung bình ở khu vực nghiên cứu là 96,7%). Tỷ lệ số hộ trồng cây công nghiệp trên đất lâm nghiệp thấp hơn số trung bình là do diện tích sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp chủ yếu có nguồn gốc xâm lấn, tính hợp pháp về đất đai không có, do vậy có nhiều hộ không dám đầu tư trồng các loài cây công nghiệp bởi chi phí lớn.

- *Hoạt động chăn nuôi*: hầu hết các hộ có hoạt động chăn nuôi nhưng chỉ có 45,7% số hộ chăn nuôi mang tính hàng hóa. Về cơ bản chăn nuôi của các hộ còn nhỏ lẻ, phân tán, tận dụng các nguồn lực tại chỗ là chính. Vật nuôi chủ yếu là: lợn, gà và một số ít trâu, bò. Chuồng trại hầu như chưa được quan tâm đầu tư, thức ăn chăn nuôi chủ yếu là ngô, sắn tự sản xuất. Hầu như chưa có hộ gia đình nào đầu tư chuồng trại và tổ chức chăn nuôi theo kiểu công nghiệp.

- *Hoạt động sản xuất lâm nghiệp*: sản xuất lâm nghiệp được thực hiện bởi 14,9% số hộ điều tra. Hoạt động chủ yếu là hộ nhận khoán bảo vệ rừng cho các chủ rừng là tổ chức với quy mô từ 5 – 10 ha và mức khoán 250.000 – 650.000 đồng/ha/năm từ nguồn dịch vụ môi trường rừng. Mặc dù phần lớn hộ sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp sống ở gần rừng tuy nhiên số hộ được nhận khoán bảo vệ rừng còn hạn chế, bởi theo quy định đối tượng nhận khoán bảo vệ rừng phải có hộ khẩu tại địa phương, nhưng nhiều hộ chưa hoặc không được đăng ký hộ khẩu do sử dụng đất trái phép.

- *Hoạt động làm thuê, làm mướn*: có đến 43,1% số hộ sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp có hoạt động làm thuê, làm mướn. Công việc làm thuê, làm mướn của lao động ở các hộ

này chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, thường diễn ra trong thời gian mùa vụ cao điểm tại địa phương và các vùng lân cận như: thu hoạch hoặc chăm sóc cà phê, sắn, ngô, hồ tiêu... Một số ít lao động cũng đi làm thuê, làm mướn cho các chủ công trình xây dựng, công trình trồng rừng... Tiền công làm thuê phổ biến từ 200.000 – 350.000 đồng/công, phụ thuộc vào sức khỏe của người lao động và mức độ thiếu lao động ở từng thời điểm cụ thể trong năm.

- *Hoạt động thương mại, dịch vụ*: chỉ có 4,9% số hộ có hoạt động thương mại dịch vụ, trong đó chủ yếu là thực hiện các dịch vụ như vận chuyển, tưới nước... các hộ làm thương mại rất ít. Các hoạt động dịch vụ phổ biến là vận chuyển thuê phân bón, vận chuyển sản phẩm và bơm nước tưới nước cho vườn cà phê, hồ tiêu của các hộ có máy cày, máy bơm, phục vụ các hộ trong nội bộ cộng đồng dân cư. Theo kết quả điều tra, các hộ làm dịch vụ này chủ yếu là tận dụng năng lực dư thừa của máy móc, chưa có hộ nào chuyên kinh doanh dịch vụ.

- *Các hoạt động sản xuất phi nông nghiệp khác*: có 6,6% số hộ thực hiện một số hoạt động phi nông nghiệp khác như: nghề xây dựng, nghề mộc, nghề rèn, sản xuất nông cụ... Các hoạt động sản xuất phi nông nghiệp chủ yếu là được thực hiện bởi các hộ gia đình có nguồn gốc di cư. Về cơ bản, một số người đã biết nghề ở quê cũ, nay di chuyển vào vùng đất mới lại tiếp tục làm nghề để phục vụ nhu cầu của cộng đồng dân tộc mình là chính. Trong số các hộ gia đình điều tra, không có hộ nào có cơ sở sản xuất riêng mà chủ yếu là làm phân tán, nhỏ lẻ trong thời gian nông nhàn.

3.1.3. Hoạt động sinh kế của hộ gia đình sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp theo nhóm dân tộc

Khi xem xét về cơ cấu các hoạt động sinh kế của các hộ sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp theo nhóm dân tộc, nghiên cứu chia các hộ khảo sát thành 4 nhóm dựa vào tập quán canh tác của từng dân tộc như sau:

- Nhóm 1 (nhóm DT1): là các dân tộc tại chỗ bao gồm các dân tộc: Giẻ Triêng, E Đê, K'Ho, Ba Na và Mạ.

- Nhóm 2 (Nhóm DT2), người di cư gồm các hộ dân tộc: H'Mông, Dao. Đây là các dân tộc khi ở các tỉnh miền núi phía Bắc thường có tập quán canh tác trên đất dốc, rất giỏi canh tác nương rẫy, thường sống ở khu vực địa hình núi cao.

- Nhóm 3 (nhóm DT3), người di cư gồm các

hộ dân tộc: Tày, Nùng, Thái, Mường. Đây là các dân tộc khi ở quê cũ thường có tập quán canh tác vừa trên đất dốc, vừa dưới ruộng nước, thường sống ở khu vực địa hình trung bình và cao.

- Nhóm 4 (DT4) là người dân tộc Kinh, diện tích sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp của

người dân tộc Kinh chủ yếu được mua lại theo hình thức trao tay với đồng bào dân tộc thiểu số.

Cơ cấu hoạt động sinh kế của các hộ sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp theo nhóm dân tộc ở khu vực nghiên cứu được thể hiện ở bảng 3.

Bảng 3. Cơ cấu hoạt động kinh tế theo các nhóm dân tộc

Chỉ tiêu	Nhóm DT1		Nhóm DT2		Nhóm DT3		Nhóm DT4	
	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %
1. Số hộ gia đình điều tra	190	100,0	57	100,0	57	100,0	46	100,0
2. Hộ có hoạt động làm lúa nước	46	24,2	8	14,0	11	19,3	0	0,0
3. Hộ có làm nương rẫy trồng cây hàng năm	180	94,7	51	89,5	53	93,0	4	8,7
4. Hộ có trồng cây công nghiệp	132	69,5	37	64,9	39	68,4	45	97,8
5. Hộ có hoạt động chăn nuôi	105	55,3	21	36,8	25	43,9	42	91,3
6. Hộ có sản xuất lâm nghiệp	41	21,6	7	12,3	9	15,8	9	19,6
7. Hộ có hoạt động thương mại dịch vụ	2	1,1	3	5,3	2	3,5	6	13,0
8. Hộ có làm thuê, làm mướn	89	46,8	24	42,1	22	38,6	4	8,7
9. Hộ có hoạt động sản xuất khác	4	2,1	3	5,3	4	7,0	8	17,4

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra năm 2020

Kết quả ở bảng 4 cho thấy, cơ cấu các hoạt động sinh kế của hộ sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp không có sự khác nhau nhiều giữa các nhóm dân tộc thiểu số (dân tộc tại chỗ và dân tộc di cư). Sự khác nhau chủ yếu về các hoạt động sinh kế là giữa đồng bào dân tộc thiểu số và người kinh. Cụ thể, các hộ đồng bào dân tộc thiểu số chủ yếu thực hiện các hoạt động sinh kế là làm nương rẫy với các cây trồng hàng năm (chiếm 94,7% số hộ đối với nhóm DT1; 89,5% số hộ đối với nhóm DT2 và 93,0 đối với nhóm DT3) trong khi đó các hộ người Kinh hoạt động sinh kế chủ yếu lại tập trung vào trồng cây công nghiệp (chiếm 97,8% số hộ) và chăn nuôi (chiếm 91,3% số hộ). Kết quả này khá phù hợp với thực tiễn, đối với hoạt động sinh kế là trồng cây công nghiệp và chăn nuôi do có sự đầu tư lớn, yêu cầu kỹ thuật cao và thời gian thu hoạch dài hơn nên các hộ người Kinh (hộ có điều kiện kinh tế khá) có tỷ lệ số hộ thực hiện lớn hơn nhiều so với các hộ đồng bào dân tộc thiểu số. Ngược lại, các hộ đồng bào dân tộc thiểu số (đa phần là những hộ nghèo) lại tập trung vào hoạt động sinh kế là làm nương rẫy với trồng cây hàng năm, phù hợp với phương thức canh tác truyền thống, đầu tư thấp và cho thu nhập ngay trong năm nhằm đảm bảo cuộc sống thường ngày.

Như vậy, từ những phân tích trên đây cho thấy, các hoạt động sinh kế của hộ sản xuất nông

nghiệp trên đất lâm nghiệp với phương thức còn hạn chế, các hoạt động sinh kế còn đơn điệu. Ngoài các vấn đề về nhận thức, trình độ canh tác, nguồn vốn hạn chế thì nguyên nhân chính đó là tính hợp pháp trong sử dụng đất chưa đảm bảo nên các hộ không muốn hoặc không dám đầu tư để đa dạng hóa các hoạt động sinh kế trong sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp do lo sợ bị thu hồi, giải tỏa vì sử dụng đất không đúng mục đích. Như vậy, cần có chính sách và giải pháp phù hợp về đất đai, lâm nghiệp nhằm tạo đà thúc đẩy ổn định sản xuất, cải thiện sinh kế cho các hộ gia đình sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp đồng thời phải gắn với công tác bảo vệ, phát triển rừng và quản lý đất rừng hiệu quả và bền vững.

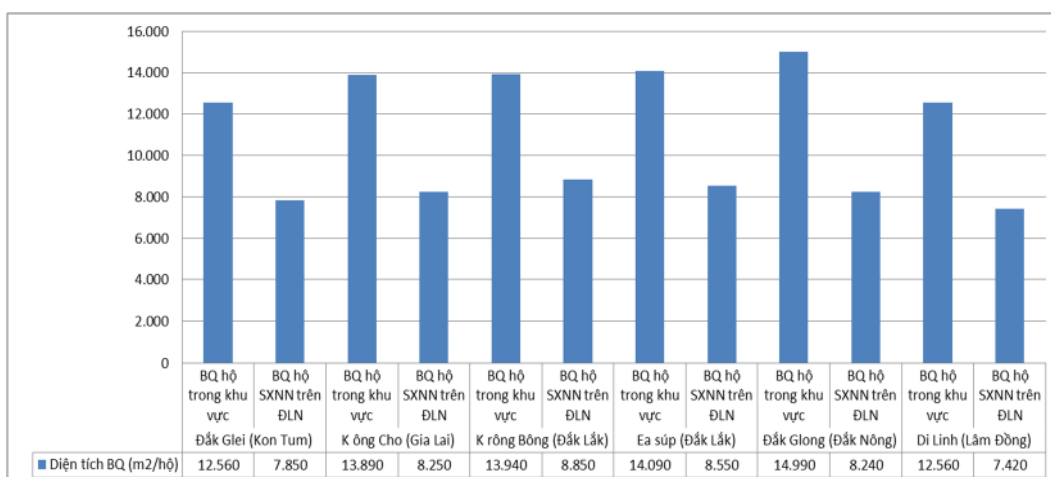
3.2. Vai trò của sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp đối với sinh kế hộ gia đình

2.2.1. Thu nhập và đời sống các hộ gia đình sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp

Như trên đã phân tích, hoạt động sinh kế của các hộ sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp chủ yếu là canh tác nương rẫy trồng cây hàng năm, trồng cây công nghiệp. Như vậy, diện tích đất sản xuất đối với các hộ này có vai trò quan trọng. Mặc dù, đất đai ở Tây Nguyên rất trù phú với đa phần là đất đỏ bazan, thích hợp cho nhiều loại cây trồng như cây cà phê, chè, hồ tiêu... và rừng là điều kiện thuận lợi để các hộ phát triển

kinh tế, xóa đói giảm nghèo. Tuy nhiên, do diện tích sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp của các hộ là bất hợp pháp nên trên diện tích này các hộ không được hưởng chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp... dẫn đến hiệu quả sản xuất rất thấp. Bên cạnh đó, kết quả điều tra cũng cho thấy, tình hình sở hữu đất sản xuất ở khu vực và của các hộ sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp càng minh chứng cho vai trò của việc sở

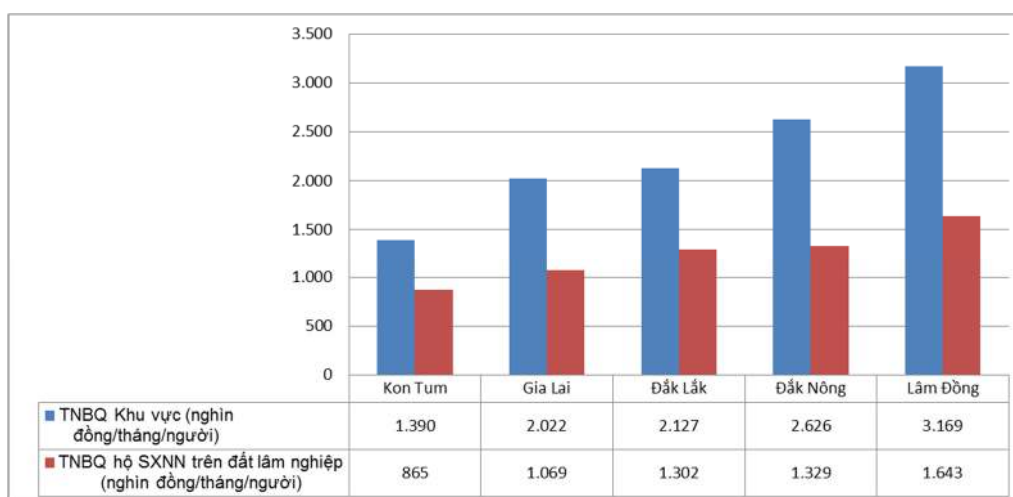
hữu đất đai đối với thu nhập của người dân. Với thu nhập chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp, việc không có đất sản xuất sẽ làm cho hộ gia đình khó mà có thể thoát nghèo. Những hộ sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp chỉ sở hữu trung bình 8.193 m²/hộ trong khi đó những hộ khác trong khu vực hiện đang sở hữu trung bình 13.672 m² /hộ (hình 2).



Hình 2. Biểu đồ so sánh về việc sở hữu đất trong sản xuất

Diện tích sản xuất bình quân của các hộ sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp thấp là nguyên nhân chính dẫn đến đời sống kinh tế của các hộ còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là đối với

các hộ đồng bào dân tộc thiểu số, mức thu nhập luôn thấp hơn so với mức thu nhập trung bình trong khu vực nghiên cứu (hình 3).



Hình 3. Thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình ở khu vực nghiên cứu và hộ gia đình sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp

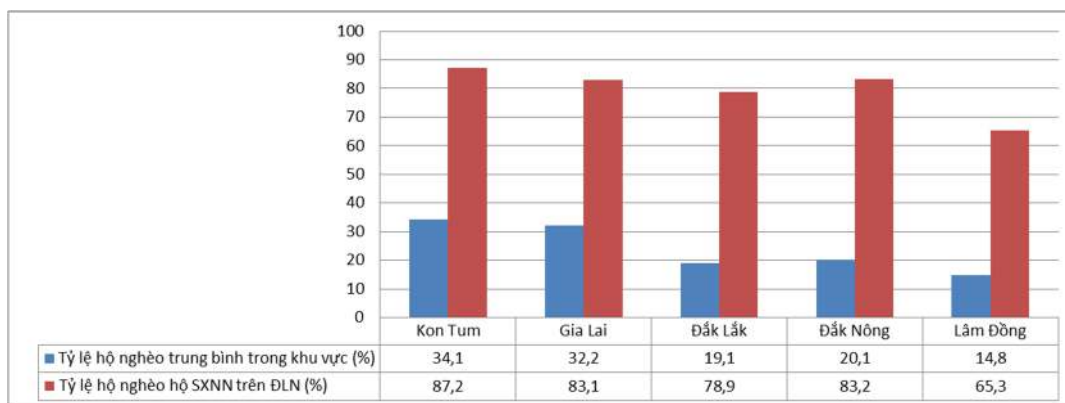
Hình 3 cho thấy, thu nhập bình quân của các hộ sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp thấp hơn nhiều so với thu nhập bình quân tại khu vực. Tùy từng địa phương, tỷ lệ thu nhập của các hộ này chỉ đạt từ 50,60% - 62,23% so với thu nhập bình quân trong khu vực. Với mức thu nhập như hiện nay của các hộ gia đình sản xuất nông nghiệp

trên đất lâm nghiệp từ 865 nghìn đồng/người/tháng (ở Đắk Glei, Kon Tum) đến 1.643 nghìn đồng/người/tháng (ở Di Linh, Lâm Đồng) so với chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025 được quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 là 1.500 nghìn đồng/người/tháng ở khu vực nông thôn thì hầu hết

các hộ sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp ở khu vực nghiên cứu đều là những hộ nghèo.

Số liệu điều tra 350 hộ gia đình năm 2020 cho thấy, tỷ lệ nghèo ở các hộ sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp là rất cao (so với chuẩn nghèo 700.000 đồng/người/tháng ở khu vực nông thôn theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg), tỷ lệ nghèo của các hộ cao hơn nhiều so với tỷ lệ nghèo bình quân trong khu vực nghiên

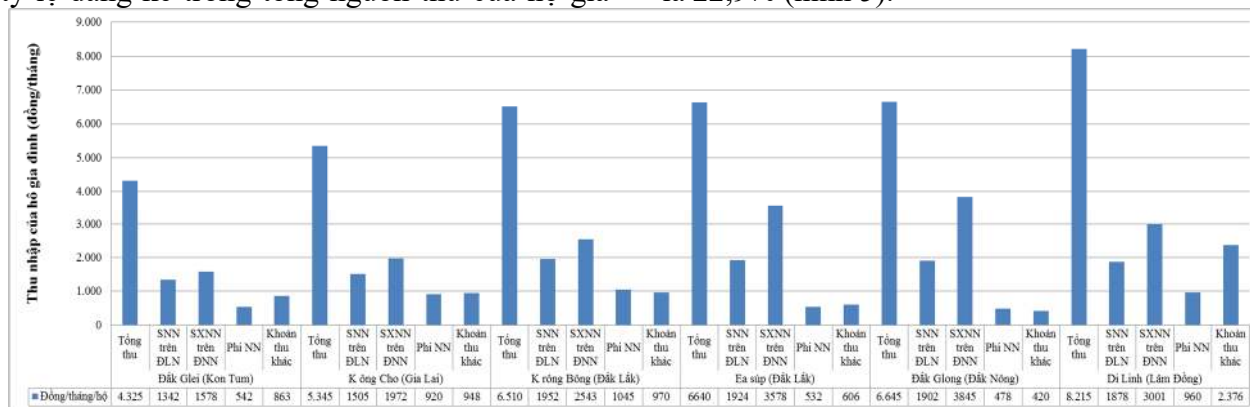
cứ, cụ thể: tại huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum là 87,2% (bình quân là 34,1%); huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai là 83,1% (bình quân là 32,2%); huyện Krông Bông và Ea Súp, tỉnh Đăk Lăk là 78,9% (bình quân là 19,1%); huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông là 83,2% (bình quân là 20,1%) và huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng là 65,3% (bình quân là 14,8%) (hình 4).



Hình 4. Tỷ lệ nghèo của các hộ sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp so với tỷ lệ hộ nghèo bình quân trong các khu vực nghiên cứu

Do đa phần người dân sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp ở đây sống bằng nghề trồng cây hàng năm, cây lâu năm, vì vậy nguồn thu từ sản xuất nông nghiệp (bao gồm sản xuất nông nghiệp trên đất được quy hoạch nông nghiệp và sản xuất nông nghiệp trên đất được quy hoạch lâm nghiệp) là chủ yếu. Trong đó nguồn thu từ sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp chiếm tỷ lệ đáng kể trong tổng nguồn thu của hộ gia

đình, dao động từ 22,9% đến 31,0%. Cụ thể, tỷ lệ nguồn thu từ sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp trong tổng số nguồn thu của hộ tại huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum là 31,0%; huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai là 28,2%; huyện Krông Bông và huyện Ea Súp, tỉnh Đăk Lăk lần lượt là 30,0% và 29,0%; huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông là 28,6%; huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng là 22,9% (hình 5).



Hình 5. Biểu đồ cơ cấu nguồn thu của hộ gia đình sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp tại các khu vực nghiên cứu

Bên cạnh những đóng góp đáng kể vào thu nhập của hộ gia đình, việc sử dụng đất lâm nghiệp để sản xuất nông nghiệp đã tạo việc làm cho nhiều lao động, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số. Kết quả điều tra cho thấy người dân sử dụng bình quân khoảng 2 lao động/ha/năm cho các hoạt động sản xuất. Như vậy, với tổng diện

tích sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp ở Tây Nguyên hiện nay là 338.586 ha đã tạo ra việc làm cho từ 650-700 nghìn lao động/năm. Hàng năm tạo việc làm cho hàng trăm nghìn lao động vùng nông thôn, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số có ý nghĩa hết sức quan trọng trong phát triển kinh tế, ổn

định xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng cho vùng Tây Nguyên.

3.2.2. Đánh giá chung về đặc điểm sinh kế của hộ gia đình sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp

a) Những thành tựu trong phát triển sinh kế

Qua nhiều năm thực hiện các chương trình, chính sách về giảm nghèo và ổn định dân cư vùng đồng bào dân tộc thiểu số của cả hệ thống chính trị địa phương, với ý chí kiên cường chịu khó vượt lên của các hộ gia đình nông dân, công cuộc phát triển kinh tế để ổn định sản xuất và đời sống của hộ gia đình có sử dụng đất lâm nghiệp để sản xuất nông nghiệp đã đạt được những thành công quan trọng, thể hiện trên các mặt sau đây:

** Bước đầu hình thành các nguồn lực sinh kế cho các hộ sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp, đảm bảo được yêu cầu cơ bản để ổn định sản xuất và đời sống.*

- Nguồn vốn tự nhiên quan trọng nhất là đất sản xuất cho các hộ gia đình đã được giải quyết bằng những chính sách đặc thù, phù hợp với thực tiễn của địa phương, đảm bảo cho các hộ có quỹ đất sản xuất đủ cho nhu cầu tồn tại và phát triển ban đầu.

- Nguồn vốn vật chất, trong đó vốn vật chất của cộng đồng (đường giao thông, trường học, trạm y tế, hệ thống điện...) đã và đang được tăng cường, đã tạo những cơ sở ban đầu hết sức quan trọng để các hộ gia đình có thể ổn định đời sống và phát triển sản xuất kinh doanh.

- Các nguồn vốn tài chính và nguồn vốn con người cũng đang được quan tâm thúc đẩy để phát triển thông qua việc thực hiện các chương trình cho vay ưu đãi (đối với các hộ gia đình đã có hộ khẩu ổn định) để phát triển kinh tế hộ gia đình, chương trình đào tạo nghề cho nông dân, các chính sách ưu tiên trong giáo dục đào tạo và chăm sóc sức khỏe...

- Nguồn vốn xã hội của các hộ gia đình cũng đang được củng cố, mở rộng nhờ những kết quả quan trọng của việc thu hút sự tham gia của người dân vào các hoạt động chính trị, xã hội, hoạt động cộng đồng của địa phương.

** Hoạt động sản xuất của các hộ gia đình sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp bước đầu ổn định, đã đảm bảo được thu nhập để có thể tồn tại và từng bước nâng cao.*

- Các hộ gia đình ngoài diện tích sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp đã có hoạt động

sản xuất ổn định trên cơ sở phát huy thế mạnh về đất đai tài nguyên của địa phương, đã bước đầu tiếp cận được hệ thống dịch vụ công phục vụ cho phát triển sản xuất kinh doanh lâu dài của mình.

- Đa số các hộ gia đình đã khẳng định được sự tồn tại của mình, đã tạo được những cơ sở ban đầu khá vững cho những bước phát triển tiếp theo trong tương lai.

b) Những tồn tại khó khăn trong phát triển sinh kế của hộ gia đình

Bên cạnh những mặt tích cực đó là đóng góp lớn vào công cuộc phát triển sinh kế, giải quyết công ăn việc làm cho hàng trăm nghìn lao động ở địa phương, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, hoạt động sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp của người dân hiện là hoạt động sử dụng đất lâm nghiệp không đúng mục đích, tính hợp pháp trong sử dụng đất chưa có. Đây là tồn tại lớn nhất đe thúc đẩy phát triển sinh kế, đa dạng hóa các hoạt động sinh kế, nâng cao thu nhập gắn với bảo vệ, phát triển rừng bền vững. Để giải quyết tồn tại này cần có cơ chế chính sách đặc thù để phát triển các mô hình sản xuất nông lâm nghiệp phù hợp nhằm giải quyết hài hòa quyền lợi sinh kế của người dân đồng thời đảm bảo tính hợp pháp trong sử dụng đất gắn với bảo vệ và phát triển rừng bền vững ở Tây Nguyên.

Ngoài ra, các hộ sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp trên địa bàn còn gặp khá nhiều rủi ro (do biến động thiên tai, các biến động kinh tế xã hội); các hộ nông dân do thiếu thốn về các nguồn lực sinh kế nên rất dễ bị tổn thương và phát triển sinh kế còn kém bền vững.

3.3. Định hướng giải pháp nâng cao hiệu quả của sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp gắn với công tác bảo vệ và phát triển rừng bền vững ở Tây Nguyên

- Triển khai thực hiện các chương trình, đề án giải quyết đất ở và đất sản xuất cho người dân sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp

Cần tiếp tục và đẩy mạnh việc thực hiện chủ trương bố trí, sắp xếp ổn định dân cư, Để thực hiện nội dung này cần có chủ trương của cấp có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đối với một số diện tích đất lâm nghiệp không còn rừng để giao cho người dân yên tâm sản xuất. Trong đó, ưu tiên các hộ gia đình sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp đã sống trên địa bàn lâu năm.

Rà soát và xác định diện tích đất công trình nhà ở, chòi, lán trên đất lâm nghiệp và lập biên bản cam kết không tiếp tục mở rộng diện tích với người dân đang sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp.

Tăng cường công tác quản lý địa bàn, đảm bảo an ninh chính trị và an toàn xã hội trên địa bàn, trong đó đẩy mạnh công tác thống kê, quản lý chặt chẽ dân cư trên địa bàn, tiến hành đăng ký hộ tịch, hộ khẩu và đăng ký tạm trú, tạm vắng cho các hộ nông dân sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp để quản lý và theo dõi tránh tình trạng người dân mở rộng sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp dẫn đến phá rừng.

- Tổ chức sản xuất nông nghiệp nâng cao hiệu quả sử dụng đất trên cơ sở phổ biến các mô hình nông lâm kết hợp tiến bộ, hỗ trợ ổn định đời sống và phát triển sản xuất cho hộ gia đình sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp

Thực hiện các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, đào tạo ngành nghề, đưa các tiến bộ khoa học vào sản xuất. Bố trí đất ở và đất sản xuất để đảm bảo nhu cầu tối thiểu của hộ nông dân. Tiếp tục rà soát và chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất lâm nghiệp sang đất nông nghiệp để bố trí, sắp xếp, đảm bảo cho các hộ nông dân có một diện tích tối thiểu về đất ở, đất sản xuất để có thể tăng cường các hoạt động sinh kế nhằm tồn tại và phát triển ổn định, tránh tình trạng vì thiếu đất sản xuất người dân tiếp tục phá rừng và xâm lấn đất rừng.

Tại các địa phương, tiến hành xây dựng các mô hình thí điểm về nông lâm kết hợp trên đất lâm nghiệp có năng suất và hiệu quả cao để triển khai nhân rộng trong thời gian tới nhằm cải thiện sinh kế cho người dân đồng thời đảm bảo phát triển rừng trên diện tích đất lâm nghiệp hiện đang sản xuất nông nghiệp.

Huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị cho công tác giải quyết vấn đề sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp theo phương châm hỗ trợ, tạo điều kiện để các hộ nông dân sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp sử dụng đất đúng mục đích, có cơ hội để tự phát triển, tự phân đấu vươn lên, góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ tiên di dời về nơi ở mới đối với các hộ dân đang định cư tự do trên đất lâm nghiệp, kết hợp hỗ trợ về nhà ở, giống cây trồng, khai hoang đất sản xuất và các điều kiện ổn định đời sống, phát triển sản

xuất đối với các hộ.

- Tăng cường hoạt động tuyên truyền, vận động để giảm hiện tượng phá rừng để sản xuất nông nghiệp:

Thường xuyên tuyên truyền vận động nhân dân trên địa bàn dân cư để hiểu rõ chính sách, pháp luật của nhà nước, cùng với chính quyền phát hiện đấu tranh để ngăn chặn người dân phá rừng để lấy đất sản xuất nông nghiệp. Bên cạnh đó cần phối hợp cùng với địa phương hỗ trợ các hộ dân sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp vào vùng dự án sớm ổn định sản xuất và đời sống trên tinh thần đoàn kết, tương thân tương trợ. Có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo về kiến thức chuyên môn cho cán bộ chuyên trách làm công tác khuyến nông khuyến lâm, nhất là cán bộ xã, thôn.

4. KẾT LUẬN

- Sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp chủ yếu được thực hiện bởi người dân tộc thiểu số, chiếm đến 83,4% (bao gồm cả dân tộc tại chỗ và dân tộc di cư), người kinh chiếm 16,6% tổng số hộ điều tra. Các hoạt động sinh kế của các hộ còn đơn điệu, chủ yếu là hoạt động sản xuất nông nghiệp, trong đó quan trọng nhất là làm nương rẫy với cây nông nghiệp ngắn ngày như sắn, ngô, đậu... chiếm 91,4% số hộ và trồng cây công nghiệp như cà phê, hồ tiêu... chiếm 60,6% số hộ, hoạt động chăn nuôi mới có 45,7% số hộ thực hiện; các hoạt động phi nông nghiệp còn rất ít.

- Cơ cấu các hoạt động sinh kế của các hộ sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp về cơ bản không có sự khác nhau giữa các nhóm dân tộc thiểu số (dân tộc tại chỗ và dân tộc di cư). Sự khác nhau chủ yếu về các hoạt động sinh kế là giữa đồng bào dân tộc thiểu số và người kinh, đối với hoạt động sinh kế là trồng cây công nghiệp và chăn nuôi do có sự đầu tư lớn, yêu cầu kỹ thuật cao và thời gian thu hoạch dài hơn nên hoạt động sinh kế này tập trung được thực hiện bởi các hộ người Kinh.

- Hộ sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp chỉ sở hữu trung bình 8.193 m²/hộ trong khi đó những hộ khác trong khu vực hiện đang sở hữu trung bình 13.672 m² đất sản xuất; Tỷ lệ thu nhập của các hộ này chỉ đạt từ 50,60% - 62,23% so với thu nhập bình quân trong khu vực, trong đó nguồn thu từ sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp chiếm tỷ lệ đáng kể trong tổng nguồn thu của hộ gia đình, dao động từ 22,9% đến 31,0%.

- Cần triển khai các giải pháp một cách đồng bộ để nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp gắn với bảo vệ và phát triển rừng bền vững bao gồm: sắp xếp ổn định dân cư, rà soát và bố trí quỹ đất tối thiểu cho người dân để ở và sản xuất; triển khai thí điểm và nhân rộng các mô hình sản xuất nông lâm kết hợp trên đất lâm nghiệp có hiệu quả và bền vững...

LỜI CẢM ƠN

Bài báo là sản phẩm của Đề tài Khoa học và công nghệ cấp Quốc gia; Mã số ĐTĐL.CN-01/20. Nhân dịp này, tập thể tác giả bày tỏ lời cảm ơn sâu sắc Bộ Khoa học và Công nghệ đã quan tâm hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động nghiên cứu của Đề tài “Nghiên cứu, đề xuất giải pháp nhằm ổn định sản xuất nông nghiệp và đời sống của người dân trên đất lâm nghiệp ở Tây Nguyên”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Kinh tế Trung ương (2020). Báo cáo số 254-BC/BKTTW về vấn đề sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp ở Tây Nguyên.
2. Bộ Nông nghiệp và PTNT (2020). Đánh giá tình hình thực hiện chính sách bố trí dân cư tự do, tăng cường quản lý bảo vệ rừng vùng Tây Nguyên. Báo cáo tại Hội nghị Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, đời sống người dân sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp vùng Tây Nguyên. Hội nghị do Ban Kinh tế Trung ương phối hợp với Tỉnh Ủy tỉnh Lâm Đồng tổ chức ngày 9/7/2020 tại Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

3. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015). Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020.

4. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2021). Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/0/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

5. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2020). Quyết định số 1558/QĐ-BNN-TCLN ngày 13/4/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2020.

6. Đàm Thị Hệ (2017). Sinh kế hộ nông dân di cư tự do trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Luận án tiến sĩ, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

7. Hội đồng Dân tộc (2018). Báo cáo số 576/BC-HĐDT14 ngày 18/5/2018 của Hội đồng Dân tộc về việc báo cáo kết quả khảo sát việc thực hiện chính sách ổn định đời sống sản xuất đối với đồng bào di cư tự phát tới các tỉnh Tây Nguyên.

8. Lê Nguyễn Khang, Đinh Văn Tuyền, Lê Sỹ Doanh, Nguyễn Quang Huy (2020). Giải pháp quản lý đất lâm nghiệp hiện đang sản xuất nông nghiệp tại tỉnh Đắk Nông. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp số 1/2020.

9. Đinh Văn Tuyền, Bùi Thị Minh Nguyệt, Lê Nguyễn Khang, Trần Quang Bảo (2019). Thực trạng sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp ở khu vực Tây Nguyên. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hà Nội, Số kỳ 1, tháng 7 năm 2019.

ROLE OF AGRICULTURE PRODUCTION ON FORESTRY LAND FOR PEOPLE'S LIVELIHOODS IN THE CENTRAL HIGHLAND

Phan Quoc Chinh¹, Tran Quang Bao², La Nguyen Khang³, Le Ngoc Hoan³, Truong Van Thanh⁴

¹Centre for Application of Science and Technology of Lam Dong Province

²Vietnam Administration of Forestry

³Vietnam National University of Forestry

⁴Bac Giang University of Agriculture and Forestry

SUMMARY

The article assesses the role of agricultural production on forestry land for people's livelihoods in the Central Highlands. Data were collected on 350 households in 06 districts of 05 provinces in the Central Highlands. Households using forestry land for agricultural production have a diverse ethnic composition, including local and migrant populations. Depending on the locality, the proportion of migrants ranges from 8.3% (in Dak Glei, Kon Tum) to 84.0% (in Krong Bong, Dak Lak). In general, livelihood activities of these people are still simple, mainly agricultural products such as shifting cultivation and planting annual crops (accounting for 91.4% of households), growing industrial crops (accounting for 60.6% of households), animal husbandry (accounting for 45.7% of households), hired labor (accounting for 43.1% of households); Non-agricultural activities are very few, only 4.6% of households have trade and service activities and 6.6% of households have other production activities. Agricultural production households on forestry land only own an average of 8,193 m²/household, while other households in the area currently own an average of 13,672 m² of production land; The income of these households is only 50.60% - 62.23% compared to the average income in the region, in which the income from agricultural production on forestry land accounts for a significant proportion of the total income of households, ranging from 22.9% to 31.0%.

Keywords: agricultural production, central highlands, forestry land, household, livelihood.

Ngày nhận bài : 17/5/2021

Ngày phản biện : 14/6/2021

Ngày quyết định đăng : 20/7/2021